

Số: **3240** /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày **22** tháng **10** năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 về quản lý chất lượng công trình xây dựng, số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được Bộ trưởng giao làm chủ các chương trình, dự án ODA (chủ đầu tư đối với chương trình, dự án đầu tư; chủ dự án đối với chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật-sau đây gọi chung là chủ dự án) trực tiếp quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA, nguồn vốn đối ứng và nguồn vốn khác (nếu có) để quản lý, điều hành thực hiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật và chương trình, dự án đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp là tổ chức sự nghiệp kinh tế, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Tên giao dịch quốc tế của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp: Management Board for Forestry Projects, viết tắt là MBFP.

3. Trụ sở của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp đặt tại thành phố Hà Nội.

4. Kinh phí hoạt động của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp do ngân sách Nhà nước cấp từ nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn vốn đối ứng, ODA và các nguồn hỗ trợ khác theo dự toán chi phí quản lý hàng năm được Bộ phê duyệt và phân bổ cho các chương trình, dự án thuộc Ban.

## **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chủ dự án quy định tại Điều 11, 24, 25, 30, 32; khoản 2 và khoản 3 Điều 35; các quy định liên quan của Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại Điều 9, 25, 32, 33, 34, 35, 36, 41, 42, 58, 59, 61, 62, 63 Luật Đấu thầu và các quy định liên quan của Luật Đấu thầu, Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ và pháp luật liên quan; Điều 104 Luật Xây dựng (đối với chương trình, dự án có đầu tư xây dựng) và điều ước quốc tế về ODA đã ký kết.

Tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu và phê duyệt hồ sơ mời thầu các gói thầu đối với những hạng mục, hợp phần được giao là chủ dự án của từng chương trình, dự án phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, các quy định đấu thầu của nhà tài trợ. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo phân cấp của Bộ trưởng.

3. Chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ tại các Điều 41, 45, 50 (không bao gồm điểm a khoản 1), 57 (không bao gồm điểm a khoản 1), Điều 59 (không bao gồm khoản 1), 68, 72, 75 (không bao gồm điểm a khoản 1), 80, 81 (không bao gồm khoản 1), 87, 88, 89, 104 của Luật Xây dựng; các Nghị định của Chính phủ số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005, số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006, số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004, số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 và pháp luật liên quan (đối với chương trình, dự án có đầu tư xây dựng).

4. Tổ chức quản lý việc chuẩn bị thực hiện chương trình, dự án về nghiên cứu văn kiện hoặc Điều ước quốc tế về ODA đã ký kết với nhà tài trợ, quy trình, thủ tục, điều kiện thực hiện đối với chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật; các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng công trình đối với chương trình, dự án đầu tư.

5. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết hàng năm thực hiện từng chương trình, dự án (kế hoạch giải ngân, kế hoạch chi tiêu, kế

hoạch đầu thầu,...), trong đó xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí chấp nhận kết quả đối với từng hoạt động của chương trình, dự án. Phê duyệt kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết hàng năm thực hiện từng chương trình, dự án theo quy định và chỉ đạo triển khai thực hiện.

6. Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng ký kết với nhà thầu và tư vấn dự án.

7. Kiến nghị với cơ quan chủ quản về cơ chế chính sách, bảo đảm thực hiện chương trình, dự án phù hợp với thông lệ quốc tế.

8. Tổ chức xây dựng, tổng hợp trình Bộ kế hoạch vốn đối ứng phù hợp với tiến độ quy định trong văn kiện chương trình, dự án được phê duyệt. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hoá, thiết bị và giải ngân của từng chương trình, dự án theo quy định của pháp luật và phù hợp với các quy định của nhà tài trợ. Tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán theo quy định và lập, tổng hợp quyết toán chung toàn chương trình, dự án theo quy định.

9. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình:

a) Thành lập Ban quản lý dự án sau khi văn kiện chương trình, dự án được Bộ trưởng phê duyệt. Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của các Ban quản lý dự án phù hợp với từng chương trình, dự án và hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện. Hướng dẫn các địa phương thành lập Ban quản lý chương trình, dự án theo quy định.

b) Tổ chức thực hiện việc tuyển chọn và quản lý cán bộ, nhân viên của các Ban quản lý dự án, các tư vấn quốc tế và chuyên gia tư vấn trong nước theo các điều ước quốc tế, hợp đồng tư vấn đã được ký kết và các quy định hiện hành của Chính phủ, phân cấp của Bộ.

c) Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ, lưu trữ thông tin, tư liệu gốc liên quan đến chương trình, dự án được giao theo quy định của pháp luật;

d) Công khai hoá nội dung, tổ chức, tiến độ thực hiện và ngân sách của chương trình, dự án theo quy định;

10. Làm đầu mối quan hệ với các nhà tài trợ quốc tế và phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ về các vấn đề liên quan trong quá trình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chương trình, dự án được giao;

11. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có chương trình, dự án đầu tư để giải quyết những công việc

cụ thể của từng chương trình, dự án hoặc đề xuất, trình Bộ phân cấp cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan trong quá trình quản lý, điều hành thực hiện các hợp phần của chương trình, dự án.

12. Hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá về hoạt động của các Ban quản lý dự án. Chỉ đạo, đôn đốc, hỗ trợ các Ban quản lý dự án trong việc theo dõi, đánh giá từng chương trình, dự án. Tổng hợp tình hình thực hiện các chương trình, dự án.

13. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ về tình hình và kết quả hoạt động của các chương trình, dự án. Tổng hợp, thống nhất với nhà tài trợ các nội dung phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình, dự án và đề xuất trình Bộ quyết định.

14. Được Bộ trưởng ủy quyền làm chủ dự án đối với chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ của Bộ do Chính phủ Việt Nam viện trợ ra nước ngoài theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam và Văn kiện chương trình, dự án ký kết.

15. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ đối với việc nghiệm thu, bàn giao chương trình, dự án theo quy định.

16. Đề xuất các chương trình, dự án mới về phát triển lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

17. Quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế và tài sản của Ban theo quy định; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ban.

18. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác của chủ dự án theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Lãnh đạo Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp có Trưởng ban và các Phó Trưởng ban do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Trưởng ban lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành mọi hoạt động của Ban, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về hoạt động của Ban theo nhiệm vụ được giao.

Phó Trưởng ban giúp Trưởng ban theo dõi, chỉ đạo, thực hiện một số lĩnh vực công tác theo phân công của Trưởng ban và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Phòng Tổ chức, Hành chính;
- b) Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật;
- c) Phòng Tài chính, Kế toán;
- d) Phòng Quản lý Tư vấn và Xây dựng chương trình, dự án.

Các Phòng có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, các viên chức và các tổ công tác chuyên môn, nghiệp vụ do Trưởng ban Ban quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ.

3. Ban quản lý chương trình, dự án trực thuộc:

- a) Cơ cấu tổ chức của Ban quản lý từng chương trình, dự án gồm có Giám đốc, Phó Giám đốc (nếu có), Kế toán và các cán bộ chương trình, dự án.

Giám đốc Ban quản lý chương trình, dự án (sau đây gọi chung là Giám đốc dự án) do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm và giao nhiệm vụ theo đề nghị của Trưởng ban Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp.

Giám đốc dự án giúp việc cho Trưởng ban, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công; được ký một số văn bản và sử dụng con dấu của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp trong giao dịch liên quan đến chương trình, dự án theo uỷ quyền của Trưởng ban.

Các chức danh khác của Ban quản lý chương trình, dự án được điều động, biệt phái từ các Phòng chuyên môn nghiệp vụ, do Trưởng ban Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp bổ nhiệm và bổ sung cán bộ hợp đồng mới theo quy định để đáp ứng yêu cầu tiến độ từng chương trình, dự án theo đề nghị của Giám đốc dự án.

Mỗi chức danh, vị trí công tác phải có bản mô tả công việc do Giám đốc dự án xây dựng và công bố công khai trong Ban quản lý chương trình, dự án, chủ dự án.

- b) Nhiệm vụ của Ban quản lý chương trình, dự án: Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm quy định tại Thông tư 03/2007/TT-BKH ngày 12/3/2007 của

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý chương trình, dự án ODA; khoản 1 Điều 35 và các quy định có liên quan tại Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn phát triển hỗ trợ chính thức và các nhiệm vụ khác do Giám đốc Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp giao.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu thi hành kể từ ngày ký.

#### **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

1. Trưởng ban Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp chỉ đạo xây dựng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ban và trình Bộ ban hành; quy định nhiệm vụ, mối quan hệ công tác, kế hoạch biên chế, nhân sự và bổ nhiệm lãnh đạo các Phòng chuyên môn nghiệp vụ và Ban quản lý chương trình, dự án thuộc Ban theo phân cấp quản lý hiện hành của Bộ.

2. Các cơ quan chức năng của Bộ chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ, Hợp tác quốc tế, Pháp chế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Trưởng ban Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- UBND các tỉnh, Tp trực thuộc TW liên quan;
- Các Vụ, Cục, TTra Bộ, VP Bộ;
- Lưu VT, TCCB.

**BỘ TRƯỞNG**



**Cao Đức Phát**